TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MIN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ G, khu phố N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Căn cước công dân/ Số định danh cá nhân: 077188006812

- *Bị đơn:* Ông Cao Tùng C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ D, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Căn cước công dân/ Số định danh cá nhân: 079080026675)

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 05 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ánh N và ông Cao Tùng C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh N và ông Cao Tùng C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ánh N và ông Cao Tùng C không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Ánh N và ông Cao Tùng C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Ánh N tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0023611 ngày 14 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Như vậy, bà N được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 12- TP Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 12- TPHCM;
- UBND phường Tam Long, TP. Hồ Chí Minh (Giấy CNKH số 106, ngày 22/09/2010- UBND xã Hòa Long)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Bảo Ngọc